

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020-2021
PHÂN THEO KHOA NGHỀ

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Điện công nghiệp	414	0	133	32,13	56	13,53	30	7,25	185	44,69	10	2,42	
	CNKT Điện_Điện tử	394	5	97	24,62	39	9,90	40	10,15	211	53,55	7	1,78	
	Cơ điện tử	192	2	47	24,48	22	11,46	22	11,46	98	51,04	3	1,56	
	CNKT ĐK Tự động	184	1	52	28,26	18	9,78	24	13,04	87	47,28	3	1,63	
	Điện công nghiệp	274	5	2	0,73	8	2,92	48	17,52	194	70,80	22	8,03	
	CNKT ĐK Tự động hóa	36	0	0	0,00	0	0,00	2	5,56	34	94,44	0	0,00	
	CNKT Điện_Điện tử	140	1	2	1,43	5	3,57	11	7,86	115	82,14	7	5,00	
	Cơ điện tử	144	0	12	8,33	12	8,33	25	17,36	93	64,58	2	1,39	
2	Lắp đặt thiết bị lạnh	71	0	1	1,41	0	0,00	2	2,82	67	94,37	1	1,41	
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	199	1	50	25,13	9	4,52	21	10,55	118	59,30	1	0,50	
	VH - SC thiết bị lạnh	240	0	92	38,33	11	4,58	12	5,00	123	51,25	2	0,83	
	CNKT Nhiệt	219	0	23	10,50	25	11,42	35	15,98	136	62,10	0	0,00	
	Lắp đặt thiết bị lạnh	82	0	0	0,00	1	1,22	9	10,98	72	87,80	0	0,00	
	CNKT Nhiệt	27	0	0	0,00	0	0,00	5	18,52	22	81,48	0	0,00	
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	122	0	0	0,00	0	0,00	2	1,64	117	95,90	3	2,46	
	VH - SC thiết bị lạnh	199	0	1	0,50	4	2,01	12	6,03	181	90,95	1	0,50	
3	Bảo trì HT - TB - CN	58	0	3	5,17	1	1,72	12	20,69	42	72,41	0	0,00	
	Cắt gọt kim loại	64	0	0	0,00	11	17,19	17	26,56	35	54,69	1	1,56	
	CNKT Cơ khí	862	2	137	15,89	51	5,92	170	19,72	475	55,10	29	3,36	
	CN Chế tạo máy	212	2	6	2,83	13	6,13	46	21,70	146	68,87	1	0,47	
	Chế tạo khuôn mẫu	15	0	0	0,00	0	0,00	1	6,67	14	93,33	0	0,00	
	Cắt gọt kim loại	22	0	0	0,00	1	4,55	5	22,73	16	72,73	0	0,00	
	Cơ khí chế tạo	170	0	4	2,35	6	3,53	15	8,82	141	82,94	4	2,35	
	CNKT Cơ khí	219	1	3	1,37	4	1,83	21	9,59	187	85,39	4	1,83	

S TT	NGÀNH	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
4	Công nghệ Ô Tô	2475	7	529	21,37	167	6,75	340	13,74	1304	52,69	64	2,59	71
	Công nghệ Ô Tô	704	0	5	0,71	18	2,56	82	11,65	573	81,39	16	38,76	10
5	Công nghệ May	144	146	54	37,50	17	11,81	31	21,53	42	29,17	0	0,00	
	Kỹ thuật làm bánh	9	4	0	0,00	0	0,00	0	0,00	9	100,00	0	0,00	
	CN May & Thời trang	125	122	2	1,60	10	8,00	13	10,40	98	78,40	2	1,60	
	Kỹ thuật làm bánh	60	46	1	1,67	0	0,00	8	13,33	51	85,00	0	0,00	
6	An ninh mạng	11	0	1	9,09	0	0,00	3	27,27	7	63,64	0	0,00	
	CNKTK Máy tính	125	1	20	16,00	13	10,40	14	11,20	70	56,00	8	6,40	
	Thiết kế đồ họa	216	35	29	13,43	29	13,43	50	23,15	99	45,83	9	4,17	
	Thiết kế trang Web	73	6	0	0,00	1	1,37	7	9,59	60	82,19	5	6,85	
	Thương mại điện tử	28	6	9	32,14	0	0,00	1	3,57	17	60,71	1	3,57	
	Đồ họa đa phương tiện	26	6	4	15,38	3	11,54	14	53,85	5	19,23	0	0,00	
	Tin học ứng dụng	63	13	13	20,63	10	15,87	12	19,05	19	30,16	9	14,29	
	Lập trình máy tính	211	8	21	9,95	35	16,59	38	18,01	107	50,71	10	4,74	
	Quản trị mạng máy tính	162	11	28	17,28	11	6,79	14	8,64	98	60,49	11	6,79	
	An ninh mạng	108	8	6	5,56	8	7,41	9	8,33	75	69,44	10	9,26	
	CNKTK phần cứng MT	171	3	0	0,00	3	1,75	16	9,36	141	82,46	11	6,43	
	Thiết kế đồ họa	311	106	3	0,96	6	1,93	33	10,61	259	83,28	10	3,22	
	Thiết kế trang Web	133	21	4	3,01	5	3,76	34	25,56	84	63,16	6	4,51	
	Thương mại điện tử	53	18	0	0,00	1	1,89	5	9,43	46	86,79	1	1,89	
	Đồ họa đa phương tiện	62	21	0	0,00	0	0,00	5	8,06	56	90,32	1	1,61	
	Tin học ứng dụng	152	30	3	1,97	10	6,58	15	9,87	121	79,61	3	1,97	
	Lập trình máy tính	244	21	3	1,23	11	4,51	26	10,66	188	77,05	16	6,56	
	Quản trị mạng máy tính	196	13	0	0,00	1	0,51	16	8,16	160	81,63	19	9,69	
7	Logistics	47	9	0	0,00	2	4,26	11	23,40	32	68,09	2	4,26	
	Tài chính doanh nghiệp	17	9	0	0,00	1	5,88	1	5,88	15	88,24	0	0,00	
	Kế toán doanh nghiệp	236	211	35	14,83	40	16,95	41	17,37	108	45,76	12	5,08	
	Quản trị doanh nghiệp	187	106	2	1,07	28	14,97	36	19,25	116	62,03	5	2,67	
	Quản trị khách sạn	29	20	0	0,00	1	3,45	10	34,48	18	62,07	0	0,00	
	Quản trị nhà hàng	23	7	0	0,00	1	4,35	5	21,74	14	60,87	3	13,04	

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
7	Logistics	66	30	0	0,00	1	1,52	7	10,61	58	87,88	0	0,00	
	Tài chính doanh nghiệp	105	62	2	1,90	11	10,48	13	12,38	69	65,71	10	9,52	
	Kế toán doanh nghiệp	204	171	3	1,47	5	2,45	32	15,69	160	78,43	4	1,96	
	Quản trị doanh nghiệp	192	122	3	1,56	13	6,77	36	18,75	139	72,40	1	0,52	
	Quản trị du lịch MICE	54	36	0	0,00	2	3,70	10	18,52	42	77,78	0	0,00	
	Quản trị khách sạn	61	38	0	0,00	0	0,00	3	4,92	58	95,08	0	0,00	
	Quản trị lữ hành	25	15	0	0,00	0	0,00	7	28,00	18	72,00	0	0,00	
	Nghệp vụ nhà hàng	53	32	0	0,00	0	0,00	13	24,53	40	75,47	0	0,00	
8	Tiếng Anh	152	96	40	26,32	20	13,16	36	23,68	48	31,58	8	5,26	
	Tiếng Anh	391	228	0	0,00	8	2,05	49	12,53	315	80,56	19	4,86	
9	Kỹ thuật Xây dựng	98	0	26	26,53	15	15,31	15	15,31	39	39,80	3	3,06	
	Quản lý xây dựng	11	0	1	9,09	0	0,00	0	0,00	10	90,91	0	0,00	
	Kỹ thuật Xây dựng	87	2	0	0,00	0	0,00	6	6,90	79	90,80	2	2,30	
TỔNG TOÀN TRƯỜNG		12.459	1.866	1.512	12,14	804	6,45	1.704	13,68	7.976	64,02	382	3,07	81

* Ghi chú: Tổng số 81 không xếp loại chiếm 0,65% do SV nghỉ học không có điểm tổng kết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2021

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Lê Xuân Thiện

- Từ XS, Tốt, Khá trở lên	4.020	32,27
- Trung bình	7.976	64,02
- Yếu	382	3,07
- Không xếp loại	81	0,65

- Từ TB trở lên	11.996	96,28
- Yếu	382	3,07
- Không xếp loại	81	0,65

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh